

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HSST

Ngày: 15-01-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **An Văn Khoái.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Triệu Duy Tỏi.**

Ông **Đào Đình Phúc.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức G**, sinh năm 1990 tại xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. ĐKHKTT: Thôn TX, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987 tại xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT: Thôn TK, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Bùi Thị Nh và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Duy Q**, sinh năm 1986 tại xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT: Thôn TK, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng Kh và bà Ngô Thị D; Có vợ là Bùi Thị H và 03 con; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 06/03/2019, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến 16/11/2019, chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1991 tại xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; ĐKHKT: Thôn TX, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang H và bà Trần Thị Ng; Có vợ là Đặng Thị L và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Phạm Văn T**, sinh năm 1975 tại xã LH, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; ĐKHKT: Thôn CT, xã LH, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Nh và bà Phạm Thị Đ (Đã chết); Có vợ là Bùi Thị Hương và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến 16/11/2019, chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Anh **Phạm Văn M**, sinh năm: 1990; ĐKHKT: Thôn TK, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 13/11/2019, Phạm Văn T mời Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Đức G, và Nguyễn Quang H tới nhà T ăn cơm trưa. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Đức G và Nguyễn Quang H, đến nhà Phạm Văn T ở thôn Chỉ Chung, xã LH, huyện Thanh Miện. Trong lúc ngồi uống nước tại bàn uống nước nhà T, **G có nói: “Anh em có làm tý liêng chờ cơm, ai được thì đi mua đồ ăn trưa”**, ý rủ mọi người đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”; T, Q, G và H đồng ý. T biết các bị cáo rủ nhau đánh bạc nhưng vẫn đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Sau đó Q, H, G, T đi lên phòng thờ tầng 02 nhà T, **H lấy chiếu trải ra sàn nhà, T lấy bộ bài tú lơ khơ** ở bàn thờ nhà T rồi G, T, Q và H ngồi xuống chiếu đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng, sát phạt bằng tiền với tỷ lệ gộp gà là 50.000 đồng, mức tố cao nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi G, T, Q, H đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói, thu trên chiếu bạc là 500.000 đồng; Thu trên người Nguyễn Đức G 5.800.000 đồng; Thu trên

người Nguyễn Văn T 1.800.000 đồng và trên người Nguyễn Duy Q 700.000 đồng. Quá trình bắt giữ Nguyễn Quang H bỏ chạy, đến ngày 16/12/2019 ra đầu thú và tự nguyện giao nộp số tiền 400.000 đồng (Là số tiền H bỏ chạy mang theo).

Đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” là những người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, theo thỏa thuận trước khi chơi mỗi người bỏ ra 50.000 đồng để xuống chiếu gọi là góp “gà” và quy định mức “tố” cao nhất là 100.000 đồng. Người bốc thăm lớn nhất nếu là ván đầu hoặc người thắng ván trước được chia bài cho những người chơi bạc mỗi người 03 quân bài và có quyền “tố” trước. Người ngồi bên tay phải có quyền theo “tố”, mức “tố” có thể bằng với số tiền người trước “tố” hoặc “tố” nhiều hơn; nếu không theo “tố” thì dừng chơi, úp bài xuống bài lọc và chịu mất số tiền đã góp “gà” và tiền theo “tố”. Khi không còn ai theo “tố” thì người “tố” cuối cùng được toàn bộ tiền “gà” và số tiền của người theo “tố”. Trong trường hợp người “tố” đầu dừng chơi, chịu mất 50.000 đồng góp “gà” thì người ngồi bên tay phải được quyền “tố”. Nếu có từ 02 người trở lên theo “tố” thì sẽ so bài; bài ai to nhất là người thắng bạc được lấy tiền “gà” và toàn bộ số tiền của những người theo “tố” bị thua. Cách tính điểm trong chơi “Liêng” là trên bài có 3 quân liên kề nhau có thể khác chất, ví dụ quân bài là 678 hoặc 789...nếu không có “Liêng” thì tính điểm; quân 10, J, Q, K được quy định là 0 điểm, quân Át là 1 điểm. So bài bằng cách cộng điểm, nếu tổng số điểm lớn hơn 10 thì lấy điểm là chữ số hàng đơn vị và tính theo thứ tự từ 1 đến 9, điểm lớn nhất là 9; nếu cùng bằng điểm thì so chất từ to đến nhỏ là Rô, Cơ, Tép, Bích.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo **Nguyễn Văn T có 2.100.000 đồng**, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc; Nguyễn Đức G có 6.000.000 đồng, sử dụng **2.000.000 đồng** vào việc đánh bạc còn 4.000.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc và để riêng trong người; Nguyễn Duy Q có 950.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc; Nguyễn Quang H khai có 150.000 đồng và sử dụng vào việc đánh bạc, khi bỏ chạy H mang theo 400.000 đồng (Là tiền đánh bạc). Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 5.200.000 đồng. Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 30/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T và Nguyễn Quang H tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên nội dung truy tố tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX:

- *Về tội danh*: Tên bố các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T và Nguyễn Quang H phạm tội “Đánh bạc”

- *Về hình phạt chính*:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức G từ **06** đến **08** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, thời hạn tính từ ngày Tên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ **06** đến **08** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, thời hạn tính từ ngày Tên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ **06** đến **08** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Q;

Xử phạt Nguyễn Duy Q từ 04 đến 06 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân từ A đến K; 01 chiếu cói cũ.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức G số tiền 4.000.000 đồng nhưng bảo thủ để thi hành án;

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T và Nguyễn Quang H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 13/11/2019, Phạm Văn T dùng chỗ ở của mình ở thôn CT, xã LH, Thanh Miện, Hải Dương cho 04 người gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Đức G và Nguyễn Quang H đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.200.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là trái phép, sát phạt nhau bằng tiền là trái pháp luật, bị nhà nước cấm, nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực T. Bị cáo Phạm Văn T dùng nhà mình cho 04 bị cáo khác đánh bạc, số tiền dùng vào việc đánh bạc từ 05 triệu đồng trở lên nên đồng phạm với các bị cáo khác. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Đánh bạc*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo:

Trong vụ án này có 05 bị cáo, các bị cáo không hứa hẹn từ trước, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. T nhiên cũng cần xem xét vị trí vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đức G là người đề xuất việc đánh bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn 2.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T là người lấy bộ tú lơ khơ ở gầm bàn thờ, số tiền sử dụng đánh bạc lớn 2.100.000 đồng nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Quang H là người chuẩn bị chiếu để chài dưới nền nhà cho các bị cáo cùng đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T đồng phạm và ở vị trí cuối.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Duy Q có ông nội được tặng thưởng Huân chương và Huy chương kháng chiến, bị cáo H sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang H và Phạm Văn T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng các hình phạt khác cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, cụ thể: Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với Nguyễn Đức G và Nguyễn Văn T phù hợp với khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Nguyễn Quang H phù hợp với khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự; Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Phạm Văn T phù hợp với khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy Q, tháng 03/2019 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa hết thời hạn được coi là chưa có tiền sự nên không đủ điều kiện để hưởng án treo mà cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. T nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chủ yếu có nghề nghiệp làm ruộng, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ các bị cáo không có công việc ổn định, mức thu nhập thấp phải nuôi các con nhỏ, số tiền đánh bạc không lớn, bị cáo T, G bị gãy chân phải đi điều trị tại Bệnh viện ở Hà Nội nhiều ngày chi phí lớn hiện vẫn đang phải T tục điều trị... nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra quản lý và thu giữ số tiền 9.200.000 đồng trên chiếu bạc và trong người các bị cáo đánh bạc, trong đó 5.200.000 đồng là số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức G không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần T tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án, sau khi đối trừ, còn lại sẽ trả cho bị cáo, thiếu bị cáo T tục phải nộp bổ sung.

- Đối với 01 chiếc cối cũ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tên bố các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T phạm tội: “*Đánh bạc*”.

2. Về Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Q;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức G và Nguyễn Văn T;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang H;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q **04 (Bốn)** tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành **03 tháng 27 ngày** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức G **06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, thời hạn tính từ ngày Tên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, thời hạn tính từ ngày Tên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T cho UBND xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H **07 (Bảy)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Quang H cho UBND xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **20.000.000** đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân từ A đến K; 01 chiếc còi cũ.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền **5.200.000** đồng (*Năm triệu hai trăm ngàn đồng*) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Đức G số tiền 4.000.000 đồng là tiền không sử dụng vào phạm tội nhưng T tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án, sau khi đối trừ, còn lại sẽ trả cho bị cáo, thiếu bị cáo T tục phải nộp bổ sung.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/12/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo: Nguyễn Đức G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- CQCSĐT-Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái